

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ M'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 8 – 2024

*V/v: Không công nhận quan hệ vợ  
chồng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Huyền Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Minh Thành
2. Ông Nguyễn Đăng Lân

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thái Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hoài Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. *Nguyên đơn:*** Ông Đậu Xuân L, sinh năm 1977 (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Làng G, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L: Luật sư Lê Trọng C – Văn phòng luật sư Lê Phát. Địa chỉ: 490A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xét xử vắng mặt)

**2. *Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Đậu Xuân L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2002 đến năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ năm 2011, ông L đã đi khỏi nhà và chuyển về huyện Đ, tỉnh Gia Lai sinh sống cho đến nay, còn chung chung vẫn đi đi về về giữa bố và mẹ. Nay không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng đã hết, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên ông L khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố ông L và bà Nguyễn Thị D không là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông L và bà D có hai con chung là cháu Đậu Xuân H, sinh năm 2003 và cháu Đậu Xuân H1, sinh năm 2005. Hiện hai cháu đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà D đồng ý toàn bộ lời trình bày của ông L và đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L, không bổ sung ý kiến gì thêm.

***Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

- Đối với Thẩm Phán: Đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và thực hiện đúng thời hạn xét xử.

- Đối với Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Đậu Xuân L.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Đậu Xuân L và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông L và bà D có với nhau hai con chung là cháu Đậu Xuân H, sinh năm 2003 và cháu Đậu Xuân H1, sinh năm 2005. Hiện hai cháu đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên ông L và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đậu Xuân L và bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Đậu Xuân L khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị D nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Đậu Xuân L và bà Nguyễn Thị D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002 đến năm 2011, tuy có đủ đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng ông L và bà D không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, ông Đậu Xuân L đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông L và bà D có với nhau hai con chung là cháu Đậu Xuân H, sinh năm 2003 và cháu Đậu Xuân H1, sinh năm 2005. Hiện hai cháu đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh, ông L và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đậu Xuân L và bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc ông Đậu Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đậu Xuân L.

*Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận ông Đậu Xuân L và bà Nguyễn Thị D là vợ chồng.

*Về án phí:* Ông Đậu Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0007527 ngày 17/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Cư M'gar;
- Thi hành án dân sự Cư M'gar;
- UBND xã EaKiết;
- UBND xã Ia Kriêng, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;
- Nguyên đơn, bị đơn, luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Huyền Diệu**